

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp thuốc tại nhà thuốc cơ sở 1 năm 2025 (lần 2) (các thuốc đang trúng thầu tại các gói thầu đấu thầu rộng rãi thuộc dự toán mua sắm Cung cấp thuốc năm 2025 lần 1)

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo **Phụ lục** đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 02../12../2026;

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh;

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày/.../2025.

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website:

<https://www.bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31;>

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Văn phòng Nhà thuốc, Tầng Trệt Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: DS. Trần Lệ Hằng, Số điện thoại: (028) 3952.5081

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) (nhà cung cấp tách riêng bảng báo giá với bộ hồ sơ còn lại; file excel gửi online qua website phải thống nhất nội dung với bản cứng);

- Bộ hồ sơ thông tin nhà thầu và sản phẩm gồm:



+ Thông báo trúng thầu và hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (bắt buộc);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác);

+ Đối với thuốc kê đơn: Cung cấp tài liệu về giá bán buôn dự kiến của thuốc chào giá; đơn giá chào không được vượt giá bán buôn thuốc dự kiến còn hiệu lực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Trưởng khoa (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B16-243-tlhang) (02).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thu Hường



PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-KD ngày tháng năm 2025)

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
1	HYALGAN	Natri Hyaluronate	BDG	20mg/ 2ml	VN-11857-11	Tiêm trong khớp	Dung dịch tiêm trong khớp	Fidia Farmaceutici S.p.A	Italy	Hộp 1 bơm tiêm, bơm đầy sẵn 2ml	Ông tiêm
2	Bidisamin 500	Glucosamin sulfat (dưới dạng D-Glucosamin sulfat 2 KCl tương đương Glucosamin base 392,6mg)	4	500mg	VD-28226-17	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
3	Bidiferon	Sắt (dưới dạng sắt II sulfat khô); Acid Folic	4	50mg + 0,35mg	VD-31296-18	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
4	Amitriptylin 10mg	Amitriptylin hydroclorid	2	10mg	VD-18903-13	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 500 viên	Viên
5	Cetirizin 10 mg	Cetirizin dihydroclorid	2	10 mg	893100094323	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên
6	Citalopram 20 mg	Citalopram (dưới dạng Citalopram hydrobromid)	2	20mg	VD-30230-18 (893110138524)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
7	Colchicin 1mg	Colchicin	2	1 mg	893115728024	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 vi x 20 viên	Viên
8	Ericox 60	Etoricoxib	2	60 mg	VD-34630-20	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
9	Levocetirizin 5mg	Levocetirizin dihydroclorid	2	5 mg	893100264623	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên
10	Olanxol	Olanzapin	3	10 mg	893110094623	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
11	Phenytoin 100 mg	Phenytoin	4	100 mg	VD-23443-15 (893110201400)	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 100 viên	Viên
12	Danapha-Rabe	Rabeprazol natri (dưới dạng rabeprazol natri hydrat)	2	10mg	893110231223	Uống	Viên bao tan trong ruột	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
13	Baburex	Bambuterol hydroclorid	2	10mg	VD-24594-16	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	viên
14	Expas Forte	Drotaverin HCL	2	80mg	893110268823	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	viên
15	Atocib 60	Etoricoxib	3	60mg	893110268223	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	viên
16	Hagizin	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin hydroclorid)	2	5mg	VD-20554-14	Uống	viên nang cứng	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 10 viên	viên
17	Glumerif 4	Glimepiride	3	4mg	VD-22032-14	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	viên
18	Hapacol 325	Paracetamol	2	325mg	893100095323	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 10 viên	viên
19	Xaravix 15	Rivaroxaban	2	15mg	VD-35984-22	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 1 vi x 14 viên	viên
20	Tinidazol 500	Tinidazol	2	500mg	893115271123	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 10 viên	viên
21	Iboten	Trimebutin maleat	2	100mg	VD-22698-15	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 10 viên	viên
22	XGEVA	Denosumab	1	120mg/1,7ml	001410249323	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Amgen Manufacturing Limited	Mỹ	Hộp 1 lọ x 1,7ml	Lọ
23	TACROLIMU S SANDOZ	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 0.5mg	1/2	0.5mg	383114350000	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 gói x 5 vi x 10 viên	Viên

sh

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
24	TACROLIMU S SANDOZ	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 1mg	1	1mg	383114349800	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 gói x 5 vi x 10 viên	Viên
25	TACROLIMU S SANDOZ	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 5mg	1	5mg	383114349900	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 gói x 5 vi x 10 viên	Viên
26	Galvus Met 50mg/500mg	Metformin Hydrochloride, Vildagliptin	1	500mg, 50mg	400110348400	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d., Poslovna enota PROIZVODNJA LENDAVA	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Slovenia	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên
27	Coryol 6.25mg	Carvedilol	1	6,25mg	VN-18274-14	Uống	Viên nén	Krka, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên
28	Coryol 12.5mg	Carvedilol	1	12,5mg	383110074523 (VN-18273-14)	Uống	Viên nén	Krka, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên
29	Fegra 180	Fexofenadin hydroclorid	3	180mg	VD-20324-13	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 01 vi x 10 viên	Viên
30	Febuxostat 80mg Nippon Chemiphar	Febuxostat	2	80mg	893110257224	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên	Viên
31	CÓN BORIC 3%	Acid boric	4	300mg/10ml	893100627924 (VD-23481-15)	Dùng ngoài	Dung dịch nhỏ tai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	Chai
32	NYSTATIN 25000 IU	Nystatin	4	25.000IU	893100200124 (VD-18216-13)	Bột đánh tưa lưỡi	Thuốc bột rửa miệng	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 20 gói x 1 gam	Gói
33	TETRACAIN 0,5%	Tetracain hydroclorid	4	50mg/10ml	893110014900 (VD-31558-19)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	Chai
34	Azenmarol 1	Acenocoumarol	4	1mg	893110257623	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	Viên
35	Agiclovir 400	Aciclovir	4	400mg	893110204800	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
36	Gel-Aphos	Gel nhôm phosphat	4	20%/ 12,38g	893110144824	Uống	Hỗn dịch uống	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 gói, 26 gói 20g	Gói
37	Aspirin 81	Acid acetylsalicylic	4	81mg	893110257523	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên
38	Baburool	Bambuterol hydroclorid	4	10mg	893110380824	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
39	Goutcolcin	Colchicin	4	0,6mg	893115145024 (VD-28830-18)	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	Viên
40	Ifatrax	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22% kl/kl)	4	100mg	893110430724	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi, 3 vi, 4 vi x 4 viên, 3 vi x 10 viên	Viên
41	Mifepristone 200	Mifepriston	4	200mg	893110024724	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi x 1 viên	Viên
42	Agimosarid	Mosaprid citrat	4	5mg	893110256223	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 4 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	Viên

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
43	Agitritine 100	Trimebutine maleat	4	100mg	893110257123	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
44	Agirenyl	Retinyl acetat	4	5.000IU	VD-14666-11	Uống	Viên nang	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
45	Aginfolix 5	Acid folic	4	5mg	893100333724	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
46	Agi-Vitac	Acid ascorbic	4	500mg	893110380524	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
47	Vipocef 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxitil)	4	100mg	893110658424 (VD-28896-18)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên
48	Vipocef 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxitil)	4	200mg	893110658524 (VD-28897-18)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên
49	Panalgan Effer 500	Paracetamol	4	500mg	893100805924 (VD-31630-19)	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	Viên
50	Panalgan Effer Codein	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	4	500mg + 30mg	893111592724 (VD-31631-19)	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	Viên
51	Dinalvicvpc	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	4	325mg + 37,5mg	893111629024 (VD-18713-13)	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên
52	BFS-Calcium folinate	Folinic acid (Calcium Folinat)	4	50mg/5ml	893110281123	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	Ống
53	Katrypsin	Alpha chymotrypsin	4	21 microkatal	893110347723	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên	Viên
54	Ambroxol	Ambroxol hydroclorid	4	30mg	893110437824 (VD-31730-19)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
55	Kavasdin 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	3	5mg	VD-20761-14	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
56	Atorvastatin 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	4	10mg	893110290900	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
57	Atorvastatin 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	4	20mg	893110291000 (VD-21313-14)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
58	Betahistin	Betahistine dihydrochloride	4	16mg	VD-34690-20	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 25 viên	Viên
59	Bisoprolol	Bisoprolol fumarat	4	5mg	893110483324	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
60	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid)	4	500mg	893115287023	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 300 viên	Viên
61	Tunadimet	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	4	75mg	893110288623	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
62	Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4	4mg	VD-34186-20	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
63	Colchicin	Colchicin	4	1mg	893115483724	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
64	Dexchlorpheniramin Blue	Dexchlorpheniramine maleate	4	2mg	893100216800	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
65	Dimenhydrinat	Dimenhydrinate	4	50mg	893100287223 (VD-28971-18)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
66	Domperidon	Domperidon (dưới dạng Domperidone maleate)	4	10mg	893110287323	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
67	Drotaverin	Drotaverin hydroclorid	4	40mg	893110039824	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
68	Eperison 50	Eperison hydroclorid	4	50mg	893110216023	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 100 viên	Viên

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
69	Esomeprazol 20mg	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	4	20mg	893110810424	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
70	Esomeprazol 40mg	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium pellets (dưới dạng esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	4	40mg	893110354123	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
71	Etoricoxib 60	Etoricoxib	4	60mg	893110287523	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	Viên
72	Flunarizine	Flunarizine (dưới dạng Flunarizine dihydrochloride)	4	5mg	893110330200	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
73	Irbesartan	Irbesartan	4	150mg	VD-35515-21	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	Viên
74	Clanzen	Levocetirizin dihydroclorid	4	5mg	893100287123	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
75	Kaflovo	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	3	500mg	VD-33460-19	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 05 viên	Viên
76	Losartan	Losartan kali	4	50mg	893110666324	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
77	Losartan 25	Losartan potassium	4	25mg	893110216123	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
78	Magnesi-B6	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	4	470mg + 5mg	893110287923	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
79	Mecobalamin	Mecobalamin	4	500µg (mcg)	893110738624	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
80	Meloxicam	Meloxicam	3	7,5mg	893110437924	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
81	Kamelox 15	Meloxicam	4	15mg	893110365223	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
82	Panactol Codein plus	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	4	500mg + 30mg	VD-20766-14	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên	Viên
83	Piracetam	Piracetam	4	400mg	893110027724	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
84	Hydrocolacyl	Prednisolon	4	5mg	893110885924 (VD-19386-13)	Uống	Viên nén dài	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên
85	Pregabalin 150	Pregabalin	4	150mg	VD-35018-21	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
86	Rabeprazol 20mg	Rabeprazol natri	4	20mg	VD-35672-22	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
87	Rotundin 60	Rotundin	4	60mg	893110102624	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
88	Kamedazol	Furosemide, Spironolactone	4	20mg, 50mg	893110272824	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
89	Telmisartan	Telmisartan	4	40mg	VD-35197-21	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
90	Tetracyclin	Tetracyclin hydroclorid	4	500mg	893110596124 (VD-30409-18)	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
91	Thiamazol	Thiamazole	4	5mg	893110247024	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
92	Tinidazol	Tinidazol	4	500mg	893115484024	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
93	Trimebutin 200	Trimebutine maleate	4	200mg	893110738724	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
94	Vitamin B6	Pyridoxine hydrochloride	4	250mg	893110288723	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
95	Vitamin PP	Nicotinamid	4	500mg	893110438324 (VD-31750-19)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên
96	Aciclovir 200mg	Aciclovir	4	200mg	893110065324	Uống	Viên nén	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
97	Midamox 1000	Amoxicilin (dạng dung Amoxicilin trihydrat)	4	1000mg	893110668624	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên
98	Midantin 875/125	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat + avicel (1:1))	4	875mg + 125mg	893110391824	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 7 viên	Viên
99	Midactam 375	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	4	375mg	893110485724	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 01 túi x 01 vỉ x 10 viên	Viên
100	Timolol 0,5%	Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	4	25mg/5ml	893110368323	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 01 lọ 5ml	Lọ
101	Acid tranexamic 500mg	Acid tranexamic	4	500mg	893110666824 (VD-26894-17)	Uống	Viên nang cứng	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
102	Midatoren 160/25	Valsartan + Hydrochlorothiazid	4	160mg + 25mg	893110160024 (VD-31780-19)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên	Viên
103	Pyzacar 50mg	Losartan Kali	3	50mg	VD-26431-17	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên
104	GILOBA	Cao ginkgo biloba (Dưới dạng ginkgo biloba phytosome)	2	40mg	VN-20891-18	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
105	FLEXSA 1500	Glucosamine Sulfate	1	1500mg	VN-14261-11	Uống	Thuốc bột uống	Mega Lifesciences (Australia) Pty.,Ltd	Australia	Hộp 30 gói x 3,7g	Gói
106	HCQ	Hydroxychloroquine sulfate	2	200mg	890110004500 (VN-16598-13)	Uống	Viên nén bao phim	Zydus Lifesciences Limited	India	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
107	SOTRETRAN 10MG	Isotretinoin	2	10mg	890110033623	Uống	Viên nang mềm	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
108	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Natri hyaluronat	1	1mg/ml	VN-18776-15	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ
109	LIVOLIN - H	Phospholipid đậu nành (Phosphatidyl choline) 300mg (dưới dạng lecithin 857,15mg)	5	300mg	885100077823	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
110	NORMAGUT	Men Saccharomyces boulardii đông khô	1	2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	QLSP-823-14	Uống	Viên nang cứng	Ardeypharm GmbH	Germany	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
111	Ferlatum	Mỗi lọ 15ml dung dịch chứa: Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	1	40mg (800mg)	VN-22219-19	Uống	Dung dịch uống	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 10 lọ x 15ml	Lọ
112	FLOEZY	Tamsulosin hydrochloride	1	0,4 mg	840110031023	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Synthon Hispania, SL	Spain	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
113	Silymarin 70mg	Silymarin	4	70mg	VD-32934-19	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Viên
114	Bolaxton	Bilastin	4	20mg	893110267424	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
115	Progesterone 100mg	Progesteron	1	100mg	840110168300	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên
116	Progesterone 200mg	Progesteron	1	200mg	840110168400	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Hộp 1 vỉ x 15 viên	Viên
117	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci lactat gluconat + Calci carbonat	2	2.940mg + 300mg	893100095424 (VD-27518-17)	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	Viên
118	ZOLASTYN	Desloratadin	2	5mg	VD-28924-18	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
119	ACNOTIN 20	Isotretinoin	2	20mg	VN-18371-14	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
120	LETRAM-250	Levetiracetam	2	250mg	890110525024 (VN-18902-15)	Uống	Viên nén bao phim	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên

dh

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
121	MOXIFLOXACIN (AS HYDROCHLORIDE) 400MG	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochloride)	2	400mg	VN-22432-19	Uống	Viên nén bao phim	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Viên
122	MUPRICON OINTMENT	Mỗi 5 gam chứa Mupirocin 0,1g	5	2%, 5g	VN-22758-21	Bôi ngoài da	Thuốc mỡ	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 tuýp x 5g	Tuýp
123	BISMUTH	Bismuth trioxid	4	120mg	893110729924	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm-Nhà máy sản xuất DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên
124	ANVO-Rabeprazole 10 mg	Rabeprazol Natri	1	10mg	840110421823	Uống	Viên nén bao tan ở ruột	Laboratorios Liconsas, S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 7 vỉ x 14 viên	Viên
125	USCAdimin C 1G	Vitamin C	4	1,000mg	893110553524 (VD-20402-13)	Uống	Viên sủi	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 4 viên	Viên
126	MyVorcon 200mg	Voriconazol	2	200mg	890110527424 (VN-22441-19)	Uống	Viên nén bao phim	Mylan Laboratories Limited	India	Hộp 1 vỉ x 15 viên	Viên
127	Dorocardyl 40mg	Propranolol hydroclorid	4	40mg	VD-25425-16	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Chai 100 viên	Viên
128	Carbidopa Levodopa 25/250mg Tablets	Carbidopa anhydrous (dưới dạng Carbidopa monohydrat 27mg) 25mg; Levodopa 250mg	2	250mg + 25mg	890110012323	Uống	Viên nén	Evertogen Life Sciences Limited	Ấn Độ	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
129	Fleet Enema	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	1	19g + 7g/118ml, 133ml	VN-21175-18	Thụt trực tràng/hậu môn	Dung dịch thụt trực tràng	C.B. Fleet Company Inc.	Hoa Kỳ	Hộp 1 chai 133ml	Chai
130	Medi-levosulpirid	Levosulpirid	4	25mg	893110025000 (VD-22922-15)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
131	Maxxwomen Plus	Alendronic acid + Vitamin D3	4	70mg + 2800IU	VD-35421-21	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 4 viên	Viên
132	Sosdol gel	Diclofenac natri (dưới dạng Diclofenac diethylamin) 1%	5	1%.	893100053623	Dùng ngoài	Gel bôi da	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 30g	Tuýp
133	Usalukast 10	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4	10mg	893110311824	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
134	Lainmi 5mg	Montelukast (dạng Montelukast natri)	1	5mg	840110986324 (VN-22067-19)	Uống	Viên nén nhai	Laboratorios Lesvi S.L	Tây Ban Nha	Hộp/ 4 vỉ x 7 viên	Viên
135	Mycokem capsules 250mg	Mycophenolat mofetil	2	250mg	VN-18134-14	Uống	Viên nang cứng	Alkem Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-PVC/PVDC	Viên
136	Fucepron	Fluoxetin	4	20mg	VD-35033-21	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
137	Mabza	Mirtazapin	4	30mg	893110442024 (VD-31151-18)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Lọ 30 viên	Viên
138	Nausho	Pregabalin	4	75mg	VD-35449-21	Uống	Viên nang	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
139	SaVi Lisinopril 5	Lisinopril	4	5mg	893110030400 (VD-24852-16)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
140	Bivobone	Acid alendronic (dưới dạng Natri alendronat) 70mg, Vitamin D3 1 MIU/g 5,6 mg (tương đương với Vitamin D3 (colecalfiferol) 5600 IU)	4	70mg + 5600IU	893110614824 (VD-33842-19)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Reliv (Công ty TNHH BRV Healthcare)	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên
141	Atirin 10	Ebastin	4	10mg	893110148624	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên
142	A.T Zinc	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	4	10mg	893110702824	Uống	Viên nén phân tán	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên
143	A.T Lisinopril 5 mg	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	4	5mg	893110208500 (VD-34121-20)	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
144	A.T Olanzapine ODT 5 mg	Olanzapine	4	5 mg	893110275923	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiện	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
145	A.T Ascorbic syrup	Acid ascorbic	4	20mg/ml (2% kl/tt); 30ml	893100275023 (VD-25624-16)	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiện	Việt Nam	Hộp 1 chai x 30 ml	Chai
146	A.T Warfarin 1 mg	Warfarin sodium (dưới dạng warfarin sodium clathrate)	4	1mg	893110232123	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiện	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
147	Mycept-500	Mycophenolat mofetil	2	500mg	890114195100	Uống	Viên nén bao phim	Panacea Biotec Pharma Ltd	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
148	Postcare 200	Progesteron	4	200mg	893110376623 (VD-24360-16)	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên nang mềm	Viên
149	Myvita Calcium 500	Calci lactat gluconat + calcium carbonat	4	2940mg + 300mg	VD-21971-14	Uống	viên nén sủi bọt	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Viên
150	Losapin 100	Losartan Kali	4	100mg	893110045300	Uống	viên nén bao phim	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
151	Enpovid E400	Vitamin E	4	400IU	VD-21448-14	Uống	viên nang mềm	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
152	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Bromfenac natri hydrat	BDG	1mg/ml	VN-20626-17	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ
153	Cravit	Levofloxacin hydrat	BDG	25mg/5ml	VN-19340-15	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ
154	Oflovid	Ofloxacin	BDG	15mg/5ml	VN-19341-15	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ
155	Cintercep	Trientin (tương đương với Trientin dihydrochlorid 250 mg)	5	167 mg Trientin (tương đương với Trientin dihydrochlorid 250 mg)	2576/QLD-KD (24/07/2024)	Uống	Viên nang cứng	Emcure Pharmaceuticals LTD	Ấn Độ	Hộp 1 lọ 100 viên	Viên
156	Lipotatin 10mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci)	3	10mg	893110099223	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Hộp 3 vi * 10 viên	Viên
157	Lipotatin 20mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci)	3	20mg	VD-24004-15	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Hộp 3 vi * 10 viên	Viên
158	Chalkas-2	Eszopiclone	2	2mg	893110228124	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên
159	LEOLEN FORTE	Cytidin-5'-disodium monophosphat; Uridin-5'-trisodium triphosphat (tương đương Uridine 1,33mg)	4	5mg + 1.33mg	VD-24814-16 (893110311400)	Uống	viên nang cứng	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
160	BINOCRIT	Epoetin alfa	1	2000IU/ml	QLSP-911-16 (400410178800)	Tiêm	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	IDT Biologika GmbH	Đức	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn và hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn có nắp an toàn kim tiêm	Bơm tiêm
161	BINOCRIT	Epoetin alfa	1	4000IU/0,4ml	QLSP-912-16 (400410178900)	Tiêm	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	IDT Biologika GmbH	Đức	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn và hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn có nắp an toàn kim tiêm	Bơm tiêm
162	Kalium chloratum biomedica	Kali chlorid	1	500mg	VN-14110-11	Uống	Viên nén bao phim	Biomedica, spol.s.r.o	Cộng hòa Séc	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
163	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp Aluminum hydroxyd - magnesium carbonat	4	2.5g + 0.5g	893100023000 (VD-26824-17)	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3,3g	Gói
164	Diltiazem DWP 30mg	Diltiazem HCl	5	30mg	893110058423	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên
165	Disthyrox	Levothyroxin natri	4	100mcg	VD-21846-14	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 5 vi x 20 viên	Viên
166	Thysedow 10 mg	Thiamazol	4	10mg	893110174124 (VD-27216-17)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên

sh

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
167	Furgin Forte	Naftidrofuryl hydrogen oxalate	4	200mg	893110162923	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	Hộp 06 vi x 10 viên	Viên
168	Itraconazole 100 mg hard capsules	Itraconazol	1	100mg	840110003825	Uống	Viên nang cứng	Laboratorios Liconsa, S.A.	Spain	Hộp 4 vi x 7 viên; Hộp 5 vi x 6 viên	Viên
169	Femaplex	Letrozole	1	2.5mg	520114771124	Uống	Viên nén bao phim	Genepharma SA	Greece	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
170	Imoglid	Repaglinid	4	1mg	893110666524 (VD-26880-17)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
171	Spironolacton Tab DWP 50mg	Spironolacton	4	50mg	893110058823	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên
172	Wright-F	Imidapril HCl	2	10mg	893110664824 (SDK cũ: VD-28488-17)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
173	Torpezil 10	Donepezil hydrochloride	2	10mg	VN-23052-22	Uống	Viên nén bao phim	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
174	Duoplavin	Acid acetylsalicylic, Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	BDG	100mg; 75mg	300110793024 (VN-22466-19)	Uống	Viên nén bao phim	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
175	Zantolred	Enzalutamide	5	40mg	471110193423	Uống	Viên nang mềm	Lotus Pharmaceutical Co., Ltd. Nantou Plant	Taiwan	Hộp 4 vi x 28 viên	Viên
176	Mebever MR 200mg Capsules	Mebeverin HCl	3	200mg	VN-10704-10	Uống	viên nang phóng thích kéo dài	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên
177	Tadalafil 10	Tadalafil	2	10mg	890110433623	Uống	Viên nén bao phim	Hetero Labs Limited	Ấn độ	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
178	Vitazol 100	Cilostazol	4	100mg	893110460723	Uống	Viên nén	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên
179	Caldihasan	Calci carbonat + Vitamin D3	4	1250mg + 125IU	VD-34896-20	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	viên
180	Calci D-Hasan	Calci carbonat + Vitamin D3	4	1250mg + 440IU	VD-35493-21	Uống	viên nén sủi bọt	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 18 viên	viên
181	Calmibe 500mg/400IU	Calci carbonat + Vitamin D3	4	1250mg + 400IU	VD-32390-19	Uống	Viên nén nhai	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	viên
182	RivaHasan 15	Rivaroxaban	4	15mg	893110133523	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 02 vi, 06 vi, 10 vi x 15 viên	viên
183	RivaHasan 20	Rivaroxaban	4	20mg	893110133623	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 02 vi, 06 vi x 15 viên	viên
184	Dibetalic	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	4	0,45g + 9,6mg	VD-23251-15	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp
185	Ebasvitae 10mg Orodispersable Tablets	Ebastin	1	10mg	840110008825	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	SEID, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 2 vi x 10 viên	Viên
186	Chamcromus 0,03%	Tacrolimus	4	Mỗi 5g chứa Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat) 1,5mg	893110894424 (VD-26293-17)	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp
187	LSP-Linezolid	Linezolid	4	600mg	893110051100 (VD-34399-20)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
188	Cordamil 40 mg	Verapamil hydrochloride	1	40mg	VN-23264-22	Uống	Viên nén bao phim	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên
189	Auropodox 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	2	100mg	VN-21677-19	Uống	Viên nén bao phim	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Hộp 1 vi 10 viên nén	Viên
190	Phamzopic 7.5mg	Zopiclon	1	7.5mg	754110791924	Uống	Viên nén	Pharmascience Inc	Canada	Chai 100 viên	Viên
191	Digorich	Digoxin	4	0.25mg	VD-22981-15	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Hộp 01 vi x 30 viên	Viên

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính
192	Usasolu-Predni	Prednisolon	4	20mg	893110268600 (VD-26234-17)	Uống	Viên nén phân tán	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên	Viên
193	Sildenabi 50	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	4	50mg	893110574524	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha	Việt Nam	Hộp 1 vi x 4 viên	Viên

dh

CÔNG TY:
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ/hàm lượng	Số giấy phép lưu hành	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT (VND)	Thuốc kê đơn (X)	Giá bán buôn dự kiến (VND)	Căn cứ mua sắm trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)				Ghi chú
																Tên cơ sở y tế	Số, ngày QĐ phê duyệt KQLCNT	Mã thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu (VND)	

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽¹⁾ ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

¹: khuyến cáo tối thiểu 12 tháng kể từ ngày chào giá

